TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 04/2020/HS-ST
Ngày 20-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Nam.
2. Ông Nguyễn C Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Xem - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Thạch T (Hứa Văn T), sinh năm: 1976 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm 1, phường 5, thành phố TN, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Khơme; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Đ (đã chết) và bà Kim Thị H (đã chết), có vợ và 01 con sinh năm 2006; tiền án: có 02 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2007/HS.ST ngày 20/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm 06 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/6/2010 và Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2011/HSST ngày 22/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh Trà Vinh xử phạt 07 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/8/2018; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/10/2019 và chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn Đ (Cá Trê), sinh năm: 1985 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Ấp TB, xã ĐP, huyện VN, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1966 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1967, có vợ (đã chết) và không có con; tiền án: có 01 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2006/HSST ngày 28/11/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xử phạt 07 năm tù giam về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/7/2013; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/10/2019 và chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Minh B (Thạch B), sinh năm: 1982 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm 3, phường 7, thành phố TN, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Khơme; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa B (đã chết) và bà Trần Thị M (đã chết), có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án: có 02 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 68/HSST ngày 25/8/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 08 năm tù giam về tội " Cướp tài sản, Cướp giật tài sản, Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 133, khoản 1 Điều 136, khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2009 và Bản án hình sự phúc thẩm số 12/2012/HSPT ngày 16/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/8/2014; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/10/2019 và chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Ngô Quốc T, sinh năm: 1994 tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: Khóm 3, phường 7, thành phố TN, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T, sinh năm: 1957 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1959, không có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 06/10/2019 và chuyển sang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

1. Ông Phan Văn C, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Tổ NDTQ số 01, ấp AK, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Lý Thị M, sinh năm: 1957.

Nơi cư trú: Ấp HP, xã ĐT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Phan Sơn B, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Tổ NDTQ số 05, ấp TN, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

4. Ông Võ Văn N, sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Tổ NDTQ số 07, ấp TG, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Mỹ H, sinh năm: 1977.

Nơi cư trú: Khóm 1, phường 5, thành phố TN, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm: 1984.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Số 774 Kiên Thị Nhẫn, khóm 3, phường 7, thành phố TN, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1965.

Nơi cư trú: Ấp TL, xã BN, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

2. Ông Lê Văn Nghị, sinh năm: 1966.

Nơi cư trú: Ấp TK, xã BN, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thạch T, Nguyễn Văn Đ, Trần Minh B đã cấu kết với nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản tại tỉnh Trà Vinh để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khoảng 00 giờ ngày 06/10/2019, T điện thoại rủ B, Đ đi sang địa bàn huyện M, tỉnh Bến Tre để tìm tài sản lấy trộm và bảo B rủ thêm một người nữa để dễ thực hiện nên B rủ Ngô Quốc T cùng đi và T đồng ý. T, B, Đ và T tập T tại cầu LK thuộc phường 5, thành phố TN, tỉnh Trà Vinh. Tại đây, T phân công nhiệm vụ: Đ và T trực tiếp đột nhập vào nhà người dân lấy trộm; B, T đứng bên ngoài canh gác, cảnh giới, phát tín hiệu để tẩu thoát khi bị phát hiện; sau khi chiếm đoạt được tài sản T và Đ có nhiệm vụ mang đi bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Khi đi, T mang theo kềm cộng lực, kéo, cờ-lê, băng keo và tuốc-nơ-vích bỏ vào trong cốp xe môtô biển kiểm soát 64F1-198.23; B mang theo cờ-lê bỏ vào cốp xe môtô biển kiểm soát 65H3-4016; Ngô Quốc T mang theo một con dao (loại dao Thái Lan). Đ điều khiển xe môtô biển kiểm soát 64F1-198.23 chở T chạy phía trước dẫn đường, T điều khiển xe môtô biển kiểm soát 65H3-4016 chở B chạy theo phía sau, khi đến khu vực ấp AK, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre phát hiện bên trong nhà anh Phan Văn C phía trước có rào lưới B40 nhưng không người trong coi nên T bảo Đ dừng xe, B, T và T đứng bên ngoài cảnh giới, Đ gỡ lưới rào B40 đột nhập vào lấy một điện thoại di động hiệu Samsung J4 màu xanh và quay trở ra cùng đồng tiếp tục đi trộm tài sản. Khi đến khu vực ấp HP, xã ĐT phát hiện nhà bà Lý Thị M đang xây dựng không có cửa nên T kêu Đ dừng xe, B, T đứng bên ngoài canh gác, cảnh giới, T cùng Đ đột nhập vào nhà bà M lục soát, Đ lấy một điện thoại di động hiệu Lenovo, T lấy cái áo khoác nam, sau đó T và Đ đi ra bên ngoài tiếp tục cùng B, T đến khu vực xã TT, huyện M tìm tài sản để trộm. Cũng B thủ đoạn nêu trên, T cùng đồng bọn đã chiếm đoạt của anh Phan Sơn B một điện thoại di động hiệu Nokia 215 màu đen và chiếm đoạt của anh Võ Văn N một điện thoại di động hiệu Samsung J1, một bóp nam bên trong đó có

600.000 đồng, một tờ tiền đôla Mỹ mệnh giá 01 USD cùng các giấy tờ tùy thân của anh N và tẩu thoát về tỉnh Trà Vinh, khi đến khu vực ấp TL, xã BN, huyện M thì bị Công an huyện M phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Vật chứng tạm giữ trong vụ án gồm:

- 01 xe môtô biển kiểm soát 64F1-198.23, số máy JA32E0054086, số khung 3225EY054078, bên trong cốp xe có: 01 cờ-lê kim loại màu trắng cỡ 10-14; 01 kềm cộng lực ký hiệu W09 dài 21,5 cm; 01cái kéo B kim loại cán màu vàng, lưỡi màu trắng, mũi kéo bị gãy, kéo dài 15cm; 01 cuộn băng keo đen nhãn hiệu Nano TONGADUNG; 01 tuốc-nơ-vích cán nhựa màu đen, dài 14cm, cán dài 8,2cm;

- 01 xe môtô biển kiểm soát 65H3-4016, số máy VLK7S150FM6-2A0000723184, số khung VLKPCG012LK*072318* bên trong cốp xe có: 01 cờ-lê kim loại màu trắng cỡ 10-12.

- Thu trên người của Nguyễn Văn Đ: 01 điện thoại di động Sam sung J4 màu xanh màn hình cảm ứng 6.0 inches (trộm của ông C); 01 điện thoại di động hiệu Lenovo, màu đen, màn hình cảm ứng 5.0 inches (trộm của bà M); 01 điện thoại di động hiệu Nokia 215 màu đen (trộm của ông B). Ngoài ra, Đ còn giao nộp 01 áo khoác nam, loại vải dù, màu xanh rêu (trộm của bà M).

- Thu giữ trên người Thạch T: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J1 màu đen, màn hình cảm ứng 4.3 inches và 01 cái bóp da màu vàng - nâu bên trong có số tiền 600.000 đồng, 01 tờ tiền đôla Mỹ mệnh giá 01USD (trộm của ông N) cùng 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy mang tên Võ Văn N; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 230, 01 cái bóp da màu đen bên trong có 550.000 đồng.

- Thu giữ trên người của Ngô Quốc T: 01 con dao Thái Lan dài 21cm, cán dao B nhựa, cán dao có ghi chữ KIWI.

- Thu giữ trên người của Trần Minh B: 01 điện thoại di động hiệu HUAWEI và 930.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐG ngày 08/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, tỉnh Bến Tre xác định 04 điện thoại di động (01 điện thoại di động Sam sung J4 màu xanh màn hình cảm ứng 6.0 inches; 01 điện thoại di động hiệu Lenovo, màu đen, màn hình cảm ứng 5.0 inches; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 215 màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J1 màu đen, màn hình cảm ứng 4.3 inches), 01 cái bóp, 01 USD Mỹ, 01 áo khoác nam có tổng giá trị là 3.143.235 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSMCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với các bị cáo Thạch T (Hứa Văn T), Trần Minh B (Thạch B) về "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a, g khoản 2 Điều 173; các bị cáo Nguyễn Văn Đ (Cá Trê), Ngô Quốc T về "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định

tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Thạch T, Nguyễn Văn Đ, Trần Minh B và Ngô Quốc T giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng; bị hại Phan Sơn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T và bà Trần Mỹ H giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố; các bị hại Phan Văn C, Lý Thị M và Võ Văn N và người chứng kiến ông Nguyễn Văn Sang và ông Lê Văn Nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Thạch T (Hứa Văn T), Nguyễn Văn Đ (Cá Trê), Trần Minh B (Thạch B) và Ngô Quốc T phạm "Tội trộm cắp tài sản".

+ Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Thạch T (Hứa Văn T) từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (Cá Trê) từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù.

+ Áp dụng điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Minh B (Thạch B) từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù.

+ Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Ngô Quốc T từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Ghi nhận các bị hại Phan Văn C, Lý Thị M, Phan Sơn B và Võ Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T, bà Trần Mỹ H đã nhận lại đủ tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M trả cho ông Phan Văn C 01 điện thoại di động Sam sung J4 màu xanh màn hình cảm ứng 6.0 inches; trả cho bà Lý Thị M 01 điện thoại di động hiệu Lenovo, màu đen, màn hình cảm ứng 5.0

inches và 01 áo khoác nam, màu xanh rêu; trả cho ông Phan Sơn B 01 chiếc điện thoại di động Nokia 215 màu đen; trả cho Võ Văn N 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J1 màu đen, màn hình cảm ứng 4.3 inches, 01 cái bóp da màu vàng- nâu, số tiền 600.000 đồng, 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 01USD, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Võ Văn N.

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho bị cáo Thạch T, bà Trần Mỹ H và bà Huỳnh Thị Thanh T các tài sản tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra huyện M, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ xe môtô biển kiểm soát 64F1-198.23, số máy JA32E0054086, số khung 3225EY054078 để chuyển cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xử lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ: Xe môtô biển kiểm soát 65H3 - 4016, số máy VLK7S150FM6-2A0000723184, số khung VLKPCG012LK*072318* để xác minh, xử lý sau.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ: 01 bóp da bò, loại bóp nam có kích thước 25cm x 10cm x 01cm bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ giữ xe, 01 hóa đơn bán hàng, 01 phiếu lương tháng 6 tất cả đều mang tên Lâm Văn Tứ để xác minh, xử lý sau.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 930.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo B và số tiền 550.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo T để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cờ-lê B kim loại màu trắng cỡ 10-14; 01 cờ-lê B kim loại màu trắng cỡ 10-12; 01 kềm cộng lực ký hiệu W09 dài 21,5cm; 01cái kéo B kim loại cán màu vàng, lưỡi màu trắng, mũi kéo bị gãy, kéo dài 15cm; 01 cuộn băng keo đen nhãn hiệu Nano TONGADUNG; 01 tuốc-nơ-vích cán nhựa màu đen, dài 14cm, cán dài 8,2cm và 01 con dao Thái Lan dài 21cm, cán dao B nhựa, cán dao có ghi chữ KIWI.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố

tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ 01 giờ đến 03 giờ 30 phút ngày 06/10/2019 trên địa bàn huyện M, tỉnh Bến Tre Thạch T tổ chức cùng Nguyễn Văn Đ, Trần Minh B và Ngô Quốc T có hành vi liên tục lén lút đột nhập vào nhà của bị hại Phan Văn C (ấp AK, xã PH) chiếm đoạt 01 điện thoại di động Sam sung J4 màu xanh màn hình cảm ứng 6.0 inches; vào nhà của bị hại Lý Thị M (ấp HP, xã ĐT) chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Lenovo, màu đen, màn hình cảm ứng 5.0 inches và 01 áo khoác nam, màu xanh rêu; vào nhà của bị hại Phan Sơn B (ấp TN, xã BN) chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Nokia 215 màu đen; vào nhà của bị hại Võ Văn N (ấp TG, xã TT) chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J1 màu đen, màn hình cảm ứng 4.3 inches; 01 cái bóp da màu vàng-nâu; tiền Việt Nam 600.000 đồng; 01 tờ tiền đôla Mỹ mệnh giá 01USD cùng một số giấy tờ gồm: 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy mang tên Võ Văn N. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 3.743.235.000 đồng.

Các bị cáo Thạch T, Nguyễn Văn Đ, Trần Minh B và Ngô Quốc T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo Thạch T, Nguyễn Văn Đ và Trần Minh B đều có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản". Các bị cáo đều biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, thực hiện hành vi phạm tội có tổ chức, có sự chuẩn bị bàn bạc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người, đây là lỗi cố ý trực tiếp của các bị cáo. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Thạch T, Trần Minh B phạm "Tội trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); bị cáo Nguyễn Văn Đ, Ngô Quốc T phạm "Tội trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương nơi xảy ra vụ án và loại tội phạm này hiện nay xảy ra trên địa bàn ngày càng gia tăng và phức tạp, gây tâm lý bất an cho người dân trong việc quản lý tài

sản. Vì vậy, cần đưa vụ án ra xét xử là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này hiện nay.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo Thạch T, Trần Minh B và Ngô Quốc T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với các bị cáo T, B và T: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo phạm tôi nhưng gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với các bị cáo.

- Đối với bị cáo Đ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tôi nhưng gây thiệt hại không lớn và hiện tại bị cáo đang bị bệnh HIV. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) được áp dụng đối với bị cáo.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là có tổ chức, trong đó bị cáo Thạch T giữ vai trò tổ chức, vạch kế hoạch và phân công nhiệm vụ chi tiết, cùng Nguyễn Văn Đ trực tiếp thực hiện hành vi trộm tài sản, Ngô Quốc T và Trần Minh B giữ vai trò cảnh giới. Do đó, cần xem xét lượng hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp, hình phạt áp dụng đối với bị cáo T cao hơn bị cáo Đ, hình phạt áp dụng đối với bị cáo B cao hơn bị cáo T. Riêng đối với bị cáo T: Trong hành vi tội phạm của mình, bị cáo không giữ vai trò chủ chốt tổ chức, vạch kế hoạch trong thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng". Xét thấy, bản thân các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, chưa có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại Phan Văn C, Lý Thị M, Phan Sơn B và Võ Văn N đã nhận lại đủ các tài sản bị mất và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm; người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Thanh T, bà Trần Mỹ H đã nhận lại đủ các tài sản (tài sản không liên quan đến vụ án) trong quá trình Cơ quan Cảnh sát Điều tra khám xét chỗ ở, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm. Xét thấy đây là ý C tự nguyện của đương sự và phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre đã trả cho ông Phan Văn C 01 điện thoại di động Sam sung J4 màu xanh màn hình cảm ứng 6.0 inches; trả cho bà Lý Thị M 01 điện thoại di động hiệu Lenovo, màu đen, màn hình cảm ứng 5.0 inches và 01 áo khoác nam, màu xanh rêu; trả cho ông Phan Sơn B 01 chiếc điện thoại di động Nokia 215 màu đen; trả cho Võ Văn N 01 điện thoại di động hiệu Sam sung J1 màu đen, màn hình cảm ứng 4.3 inches, 01 cái bóp da màu vàng-nâu, số tiền 600.000 đồng, 01 tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 01USD, 01 giấy phép lái xe hạng A1, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Võ Văn N. Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã trả lại cho bị cáo Thạch T, bà trần Mỹ H và bà Huỳnh Thị Thanh T các tài sản tạm giữ trong quá trình khám xét chỗ ở. Xét thấy việc trao trả vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra là đúng theo Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên ghi nhận.

Đối với xe môtô biển kiểm soát 64F1-198.23, số máy JA32E0054086, số khung 3225EY054078 là vật chứng trong vụ án trộm cắp tài sản xảy ra vào ngày 10/5/2019 tại xã Hựu Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre chuyển cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xử lý theo thẩm quyền.

Đối với xe môtô biển kiểm soát 65H3 - 4016, số máy VLK7S150FM6-2A0000723184, số khung VLKPCG012LK*072318* do chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ để xử lý sau.

Đối với 01 bóp da bò, loại bóp nam có kích thước 25cm x 10cm x 01cm bên trong có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ bảo hiểm y tế, 01 thẻ giữ xe, 01 hóa đơn bán hàng, 01 phiếu lương tháng 6 tất cả đều mang tên Lâm Văn Tứ sẽ do Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI của bị cáo B và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230 của bị cáo T sử dụng để liên lạc cho nhau trong việc thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 930.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo B và số tiền 550.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo T, không liên quan đến việc phạm tội nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 cờ-lê B kim loại màu trắng cỡ 10-14; 01 cờ-lê B kim loại màu trắng cỡ 10-12; 01 kềm cộng lực ký hiệu W09 dài 21,5cm; 01cái kéo B kim loại cán màu vàng, lưỡi màu trắng, mũi kéo bị gãy, kéo dài 15cm; 01 cuộn băng keo đen nhãn hiệu Nano TONGADUNG; 01 tuốc-nơ-vích cán nhựa màu đen, dài 14cm, cán dài 8,2cm và 01 con dao Thái Lan dài 21cm, cán dao B nhựa, cán dao có ghi chữ KIWI là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng nhằm phục vụ cho việc trộm tài sản nên tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Các bị cáo Thạch T, Nguyễn Văn Đ, Trần Minh B và Ngô Quốc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Thạch T (Hứa Văn T), Nguyễn Văn Đ (Cá Trê), Trần Minh B (Thạch B) và Ngô Quốc T phạm "Tội trộm cắp tài sản".

[1.1] Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Thạch T (Hứa Văn T) 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2019.

[1.2] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ (Cá Trê) 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2019.

[1.3] Căn cứ điểm a, g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Minh B (Thạch B) 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2019.

[1.4] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Ngô Quốc T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/10/2019.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[3] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI, số Imei 1 863475037233729, số Imei 2 863475037275625 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 230, số Imei 1 356935097424508, số Imei 2 35693509901554.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 930.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo Trần Minh B và số tiền 550.000 đồng thuộc sở hữu của bị cáo Thạch T để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu tiêu hủy: 01 cờ-lê B kim loại màu trắng cỡ 10-14; 01 cờ-lê B kim loại màu trắng cỡ 10-12; 01 kềm cộng lực kim loại, ký hiệu W09, cán màu xanh, dài 21,5cm; 01cái kéo B kim loại cán màu vàng, lưỡi màu trắng, mũi kéo bị gãy, kéo dài 15cm; 01 cuộn băng keo đen nhãn hiệu Nano TONGADUNG; 01 tuốc-nơ-vích cán nhựa màu đen, dài 14cm, cán dài 8,2cm và 01 con dao Thái Lan dài 21cm, cán dao B nhựa, cán dao có ghi chữ KIWI.

Tất cả các vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre tạm giữ theo Biên bản giao, nhận vật chứng và Biên lai thu tiền số 0010467 cùng ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Thạch T (Hứa Văn T), Nguyễn Văn Đ (Cá Trê), Trần Minh B (Thạch B) và Ngô Quốc T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND phường 5 và phường 7, thành phố TN;
- UBND xã ĐP, huyện VN;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Dân